

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2024/HS-ST

Ngày: 25-4-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thắng

Bà Nguyễn Thị Kim Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 88/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Xuân M, sinh ngày 22-5-1987 tại: Tỉnh Nam Định; địa chỉ đăng ký thường trú: Số 53 đường N, phường B, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Số 24/314 đường M, phường V, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; số căn cước công dân: 03608700xxx; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân T và bà Trần Thị N; chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 27-8-2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” (chấp hành xong thời gian thử thách ngày 27-8-2023), tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10-01-2024, đến ngày 19-01-2024 thay đổi thành biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Tuấn L, sinh năm 1982; Địa chỉ đăng ký thường trú: Số 3/366 đường V, phường X, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Số 15/22/155 đường T, phường V, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Thôn 8, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Anh Trần Văn H1, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Thôn 1, xã H, huyện N, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1988; địa chỉ đăng ký thường trú: Số 499 đường C, phường L, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Số 33 đường B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Xuân M không có việc làm ổn định nên nảy sinh ý định cho vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Khi khách đến vay tiền, sau khi thống nhất số tiền thì M yêu cầu người vay viết 01 giấy vay tiền, không thể hiện lãi suất; đồng thời để lại giấy tờ cá nhân để làm tin. Sau đó, M dùng các số tài khoản 994456xxxx của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) mang tên Trần Văn L1, số tài khoản 36658xxx của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB) mang tên Vũ Thị D hoặc số tài khoản 1903583279xxxx của Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) mang tên Trần Xuân M để chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt cho khách vay. Khách đóng tiền lãi có thể đến nhà M đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản đến 03 tài khoản trên.

Ngày 10-01-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định nhận được đơn tố giác của anh Trần Tuấn L về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Trần Xuân M nên đã triệu tập Trần Xuân M đến để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, M đã đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Xuân M tại số nhà 24/314 đường M, phường V, thành phố Đ nhưng không thu giữ được gì.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định xác định M đã cho 04 người vay tiền với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương 182,5%/năm); cứ định kỳ 10 ngày, 20 ngày hoặc 01 tháng (quy định là 30 ngày) đóng lãi một lần, cụ thể như sau:

Trường hợp thứ nhất:

Ngày 21-9-2022, tại số nhà 24/314 đường M, phường V, thành phố Đ, anh Trần Tuấn L vay của M số tiền 15.000.000 đồng. M yêu cầu anh L viết giấy vay tiền, không thể hiện lãi suất và để lại 01 sổ hộ khẩu của gia đình anh L. Anh L đã trả cho M 13 tháng tiền lãi (13 tháng = 390 ngày) là 29.250.000 đồng. Đến nay, anh L đã trả cho M 10.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ M 5.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất cho vay theo thỏa thuận không được vượt quá mức lãi suất 20%/năm của khoản tiền vay. Số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $15.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 390 \text{ ngày} = 3.205.479 \text{ đồng}$. Số tiền M đã chiếm hưởng bất hợp pháp là 26.044.521 đồng.

Trường hợp thứ 2:

Ngày 26-8-2023, tại số nhà 24/314 đường M, phường V, thành phố Đ, anh Nguyễn Văn H vay của M số tiền 10.000.000 đồng. M yêu cầu anh H viết giấy vay tiền, không thể hiện lãi suất và để lại 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn H. Anh H đã trả cho M 03 tháng tiền lãi (03 tháng = 90 ngày) là 4.500.000 đồng. Đến nay, anh H chưa trả số tiền gốc 10.000.000 đồng cho M.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất cho vay theo thỏa thuận không được vượt quá mức lãi suất 20%/năm của khoản tiền vay. Số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 90 \text{ ngày} = 493.150 \text{ đồng}$. Số tiền M đã chiếm hưởng bất hợp pháp là 4.006.850 đồng.

Trường hợp thứ 3:

Ngày 12-8-2023, tại số nhà 24/314 đường M, phường V, thành phố Đ, anh Trần Văn H1 vay của M số tiền 7.000.000 đồng. M yêu cầu anh H viết giấy vay tiền, không thể hiện lãi suất và để lại 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn H1. Anh H1 đã trả cho M 03 tháng tiền lãi (03 tháng = 90 ngày) là 3.150.000 đồng. Đến nay, anh H1 chưa trả số tiền gốc 7.000.000 đồng cho M.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất cho vay theo thỏa thuận không được vượt quá mức lãi suất 20%/năm của khoản tiền vay. Số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $7.000.000 \text{ đ} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 90 \text{ ngày} = 345.205 \text{ đồng}$. Số tiền M đã chiếm hưởng bất hợp pháp là 2.804.795 đồng.

Trường hợp thứ 4:

Ngày 13-10-2023, tại số nhà 24/314 đường M, phường V, thành phố Đ, chị Nguyễn Thị H2 vay của M số tiền 30.000.000 đồng. M yêu cầu chị H2 viết giấy vay tiền, không thể hiện lãi suất và để lại 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H2. Chị H2 đã trả cho M 02 tháng tiền lãi (02 tháng = 60 ngày) là 9.000.000 đồng. Đến nay, chị H2 chưa trả số tiền gốc 30.000.000 đồng cho M.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất cho vay theo thỏa thuận không được vượt quá mức lãi suất 20%/năm của khoản tiền vay. Số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là 30.000.000 đồng x 20%: 365 ngày x 60 ngày = 986.301 đồng. Số tiền M đã chiếm hưởng bất hợp pháp là 8.013.699 đồng.

Như vậy, Trần Xuân M cho 04 người là anh Trần Tuấn L, anh Nguyễn Văn H, anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị H2 vay tổng số tiền 62.000.000 đồng, với lãi suất 182,5%/năm, đã thu được của 04 người vay tổng cộng là 45.900.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 chỉ được thu của 04 người là 5.030.135 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà M đã thu lợi bất chính là 40.869.865 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, anh Trần Tuấn L, anh Nguyễn Văn H, anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị H2 đã khai nhận hành vi vay tiền của Trần Xuân M.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu và Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam đã cung cấp thông tin, phong tỏa tài khoản và sao kê lịch sử giao dịch của 03 tài khoản ngân hàng mà M sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Trần Xuân M khai nhận 02 tài khoản mang tên Trần Văn L1 và Vũ Thị D là do anh Trần Văn L1 và chị Vũ Thị D trực tiếp mở tài khoản và cho M mượn. M khẳng định anh L1 và chị D không liên quan, không biết đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của M.

- Vật chứng thu giữ trong vụ án: Trần Xuân M tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 03 giấy biên nhận của anh Trần Tuấn L, Trần Văn H1, Nguyễn Văn H; 01 điện thoại di động Iphone 12 màu xanh, 01 sổ hộ khẩu mang tên Trần Thị Thương H3, 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn H1, 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn H. Đối với giấy biên nhận do chị Nguyễn Thị H2 viết và 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H2, do M đã làm mất nên không có khả năng giao nộp cho cơ quan điều tra.

- Về trách nhiệm dân sự:

Anh Trần Tuấn L yêu cầu Trần Xuân M hoàn trả lại số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp của anh L là 26.044.521 đồng.

Anh Nguyễn Văn H yêu cầu Trần Xuân M hoàn trả lại số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp của anh H là 4.006.850 đồng.

Anh Trần Văn H1 yêu cầu Trần Xuân M hoàn trả lại số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp của anh H là 2.804.795 đồng.

Chị Nguyễn Thị H2 có quan điểm không yêu cầu Trần Xuân M hoàn trả lại số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp của chị H2 là 8.013.699 đồng và đề nghị truy thu số tiền này của Trần Xuân M để sung quỹ Nhà nước.

Hiện tại, Trần Xuân M chưa trả lại số tiền lãi đã chiếm hưởng bất hợp pháp cho anh Trần Tuấn L, anh Nguyễn Văn H, anh Trần Văn H1, chị Nguyễn Thị H2; chưa nộp lại số tiền cho vay, số tiền lãi theo quy định của khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đã thu của 04 người vay tiền nói trên, số tiền lãi đã chiếm hưởng bất hợp pháp của chị Nguyễn Thị H2.

Đối với số tiền gốc còn nợ Trần Xuân M của anh Trần Tuấn L là 5.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn H là 10.000.000 đồng, anh Trần Văn H1 là 7.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị H2 là 30.000.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã yêu cầu giao nộp nhưng chưa có ai thực hiện việc giao nộp.

Bản cáo trạng số 95/CT-VKS-TPND ngày 02-4-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Trần Xuân M về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Xuân M đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Trần Xuân M tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, với tổng số tiền thu lợi bất chính là 40.869.865 đồng. Do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Xuân M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Xuân M từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ trước đó từ ngày 10-01-2024 đến ngày 19-01-2024. Giao bị cáo Trần Xuân M

cho Ủy ban nhân dân phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

- Không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Xuân M.

Phạt tiền đối với bị cáo Trần Xuân M từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone 12 màu xanh đã qua sử dụng, có số seri: G6TDLOMDODYJ đã thu giữ của bị cáo Trần Xuân M.

- Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim số 0918036505, trên thẻ sim có mã số: 898402000/11279925349.

- Truy thu của bị cáo Trần Xuân M số tiền gốc 10.000.000 đồng mà bị cáo Trần Xuân M đã thu lại được để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Trần Xuân M số tiền lãi hợp pháp (tiền lãi 20%/năm theo quy định của khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015) là 5.030.135 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Trần Xuân M số tiền thu lợi bất chính từ chị Nguyễn Thị H2 (tiền lãi vượt quá 20%/năm theo quy định của khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015) là 8.013.699 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu số tiền nợ gốc đối với anh Trần Tuấn L là 5.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn H là 10.000.000 đồng, anh Trần Văn H1 là 7.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị H2 là 30.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Trần Xuân M phải trả lại số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm theo quy định của khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015) cho anh Trần Tuấn L là 26.044.521 đồng, anh Nguyễn Văn H là 4.006.850 đồng, anh Trần Văn H1 là 2.804.795 đồng.

- Trả lại anh Trần Tuấn L 01 sổ hộ khẩu số 00139 mang tên chủ hộ Trần Thị Thương H3; trả lại anh Trần Văn H1 01 căn cước công dân số 035082004951 mang tên Trần Văn H1; trả lại anh Nguyễn Văn H 01 căn cước công dân số 036094016200 mang tên Nguyễn Văn H và 01 Giấy phép lái xe số 360124361921 mang tên Nguyễn Văn H.

- Buộc bị cáo Trần Xuân M phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo Trần Xuân M nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Xuân M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Xuân M tại trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ khác như: Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; biên bản đối chất; biên bản thu giữ vật chứng; bản ảnh chụp màn hình điện thoại; các bản ảnh về chuyển khoản ngân hàng cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ ngày 21-9-2022 đến ngày 13-10-2023, tại số nhà 24/314 đường M, phường V, thành phố Đ, tỉnh Nam Định, bị cáo Trần Xuân M đã cho 04 người vay tiền, với mức lãi suất 182,5%/năm, với tổng số tiền cho vay là 62.000.000 đồng, thu được tổng số tiền lãi là 45.900.000 đồng. Trong đó: Số tiền lãi theo mức cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm của tổng số tiền vay là 5.030.135 đồng; số tiền thu lợi bất chính là số tiền lãi vượt quá quy định của khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 40.869.865 đồng.

Hành vi của bị cáo Trần Xuân M là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện; lãi suất bị cáo cho vay là 182,5%/năm, đã vượt quá 5 lần của mức lãi suất cao nhất 20% quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; số tiền lãi mà bị cáo thu lợi bất chính là 40.869.865 đồng nên bị cáo Trần Xuân M đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì bị cáo Trần Xuân M đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú nên sẽ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Xuân M bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Xuân M là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đối với an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Nam Định, bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Trần Xuân M và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Xét thấy bị cáo Trần Xuân M không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử sẽ không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy bị cáo Trần Xuân M phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 12 màu xanh đã qua sử dụng, có số seri: G6TDLMDODYJ mà bị cáo Trần Xuân M dùng để liên hệ, theo dõi, quản lý việc cho vay, trả nợ là công cụ, phương tiện dùng để phạm tội nên sẽ tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 thẻ sim số 0918036xxx, trên thẻ sim có mã số: 898402000/1127992xxx xét không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Trả lại anh Trần Tuấn L 01 sổ hộ khẩu số 00139 mang tên chủ hộ Trần Thị Thương H3; trả lại anh Trần Văn H1 01 căn cước công dân số 03508200xxx mang tên Trần Văn H1; trả lại anh Nguyễn Văn H 01 căn cước công dân số 036094016xxx mang tên Nguyễn Văn H và 01 Giấy phép lái xe số 36012436xxxx mang tên Nguyễn Văn H.

- Các số tiền nợ gốc mà anh Trần Tuấn L, anh Nguyễn Văn H, anh Trần Văn H1 và chị Nguyễn Thị H2 chưa trả cho bị cáo Trần Xuân M đều sẽ truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Truy thu đối với anh Trần Tuấn L là 5.000.000 đồng, truy thu đối với Nguyễn Văn H là 10.000.000 đồng, truy thu

đối với anh Trần Văn H1 là 7.000.000 đồng và truy thu đối với chị Nguyễn Thị H2 là 30.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Số tiền cho vay mà bị cáo Trần Xuân M đã thu lại được tính theo số tiền vốn thực tế mà bị cáo đã cho vay, trừ đi số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả sẽ truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Số tiền cho anh Trần Tuấn L vay là 15.000.000 đồng – 5.000.000 đồng = 10.000.000 đồng. Như vậy, sẽ truy thu số tiền cho vay mà bị cáo Trần Xuân M đã thu lại được là 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Số tiền lãi theo mức cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm mà bị cáo Trần Xuân M đã thu được là 5.030.135 đồng, đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên sẽ truy thu đối với bị cáo số tiền này để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Số tiền lãi vượt quá 20%/năm theo quy định của khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 mà bị cáo Trần Xuân M thu lợi bất chính từ chị Nguyễn Thị H2 là 8.013.699 đồng, do chị H2 có quan điểm không yêu cầu bị cáo hoàn trả nên truy thu của bị cáo Trần Xuân M số tiền là 8.013.699 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H2 thì bị cáo Trần Xuân M khai đã làm mất, không thu hồi được. Vì vậy chị Nguyễn Thị H2 có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin cấp lại đối với giấy tờ, tài liệu này.

[7] Về nghĩa vụ dân sự:

Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 mà bị cáo Trần Xuân M đã thu của anh Trần Tuấn L là 26.044.521 đồng, anh Nguyễn Văn H là 4.006.850 đồng, anh Trần Văn H1 là 2.804.795 đồng thì Hội đồng xét xử sẽ buộc bị cáo trả lại cho những người vay.

[8] Về án phí:

Bị cáo Trần Xuân M bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm (tương ứng với số tiền phải trả cho anh Trần Tuấn L, anh Nguyễn Văn H, anh Trần Văn H1) theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Xuân M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân M 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ trước đó từ ngày 10-01-2024 đến ngày 19-01-2024. Thời hạn tính từ ngày Tòa án giao Quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với Trần Xuân M cho Ủy ban nhân dân phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định để giám sát, giáo dục theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Xuân M trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt tiền bị cáo Trần Xuân M 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

2. Xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu 01 chiếc điện thoại di động Iphone 12 màu xanh đã qua sử dụng, có số seri: G6TDLOMDODYJ được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS3.1906689 để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Tịch thu 01 thẻ sim số 0918036xxx, trên thẻ sim có mã số: 898402000/11279925xxx được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS4A 185158 để tiêu hủy.

Trả lại cho anh Trần Tuấn L: 01 sổ hộ khẩu số 00139 mang tên chủ hộ Trần Thị Thương H3 được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS31906682; trả lại cho anh Trần Văn H1: 01 căn cước công dân số 035082004xxx mang tên Trần Văn H1 được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS4A 196290; trả lại cho anh Nguyễn Văn H: 01 căn cước công dân số 036094016xxx mang tên Nguyễn Văn H được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS4A 185087 và 01 Giấy phép lái xe số 360124361xxx mang tên Nguyễn Văn H được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS4A 185088.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09-4-2024).

Truy thu số tiền bị cáo Trần Xuân M dùng để cho vay là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu số tiền lãi (theo mức cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm) mà bị cáo Trần Xuân M đã thu được là 5.030.135 đồng (năm triệu không trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi lăm đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu số tiền lãi vượt quá 20%/năm theo quy định của khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 mà bị cáo Trần Xuân M thu lợi bất chính từ chị Nguyễn Thị H2 là 8.013.699 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước

Truy thu đối với anh Trần Tuấn L số tiền nợ gốc chưa trả là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu đối với Nguyễn Văn H số tiền nợ gốc chưa trả là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu đối với anh Trần Văn H1 số tiền nợ gốc chưa trả là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu đối với chị Nguyễn Thị H2 số tiền nợ gốc chưa trả là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Nghĩa vụ dân sự:

- Căn cứ Điều 123, Điều 130, Điều 131, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Trần Xuân M trả lại cho anh Trần Tuấn L số tiền là 26.044.521 đồng (hai mươi sáu triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi một đồng), trả lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền là 4.006.850 đồng (bốn triệu không trăm lẻ sáu nghìn tám trăm năm mươi đồng), trả lại cho anh Trần Văn H1 số tiền là 2.804.795 đồng (hai triệu tám trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí:

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Xuân M phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Xuân M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho những người vay tiền. Cụ thể: Án phí tương ứng với số tiền phải trả cho anh Trần Tuấn L là 1.302.000 đồng (một triệu ba trăm lẻ hai nghìn đồng, đã làm tròn số); án phí tương ứng với số tiền phải trả cho anh Nguyễn Văn H là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); án phí tương ứng với số tiền phải trả cho anh Trần Văn H1 là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Trần Xuân M có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Tuấn L, anh Nguyễn Văn H, anh Trần Văn H1, chị Nguyễn Thị H2 (vắng mặt) có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo Trần Xuân M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Tuấn L, anh Nguyễn Văn H, anh Trần Văn H1, chị Nguyễn Thị H2 có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND phường Lộc Vượng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Mai Thị Thu Hiền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA